

Bản án số: 84/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 15-11-2017.

"V/v tranh chấp Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Ngọc Thu.

Bà Dương Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1963; trú tại: Số 150A, ấp T, xã T H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1963; trú tại: Số 120, ấp V, xã T N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 21/7/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị H và ông Phan Văn T được mai mối và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và bắt đầu chung sống như vợ chồng từ khoảng tháng 07/1984 đến tháng 08/1984 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T có quen với người phụ nữ khác ở bên ngoài, thường xuyên nhậu xỉn về đánh đập vợ con, bà H có khuyên nhiều lần nhưng ông T không sửa chữa vì vậy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện nay, bà H và ông T đã sống ly

thân được 06 đến 07 năm, bà H xác định không còn tình cảm với ông T vì vậy bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 03 người con chung tên Phan Thị Cẩm Nh, sinh ngày 26/10/1985; Phan Huỳnh T1, sinh ngày 29/9/1987 và Phan Thị Quyền Tr, sinh ngày 09/3/1992. Hiện nay Cẩm Nh, Huỳnh T1 và Quyền Tr đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà H yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn T. Về con chung hiện nay Phan Thị Cẩm Nh, Phan Huỳnh T1 và Phan Thị Quyền Tr đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Phan Văn T nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhưng không có văn bản trả lời Thông báo thụ lý vụ án và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, ông Phan Văn T được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng pháp luật. Thời hạn đưa vụ án ra xét xử đúng quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX tuyên xử:

+ Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

+ Áp dụng Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000; khoản 1 Điều 85, Điều 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị H. Cho bà H được ly hôn với ông T.

+ Về con chung: Hiện nay Phan Thị Cẩm Nh, sinh ngày 26/10/1985; Phan Huỳnh T1, sinh ngày 29/9/1987 và Phan Thị Quyền Tr, sinh ngày 09/3/1992 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thành phố Vĩnh Long được thụ lý phù hợp về thẩm quyền qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Phan Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân:

- Bà Huỳnh Thị H và ông Phan Văn T được mai mối, đi đến hôn nhân và bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ khoảng tháng 7/1984 đến tháng 8/1984 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, theo bà H trình bà nguyên nhân mâu thuẫn do ông T có quen với người phụ nữ khác ở bên ngoài, thường xuyên nhậu xỉn về đánh đập vợ con. Hiện nay, ông bà đã sống ly thân được 06 đến 07 năm, bà H xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Theo văn bản xác minh ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, chính quyền địa phương cung cấp thông tin về nguyên nhân mâu thuẫn của bà Huỳnh Thị H và ông Phan Văn T như sau: Chính quyền địa phương không nắm được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của đương sự và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, theo bà Huỳnh Thị H xác định bà và ông T xác lập quan hệ hôn nhân vào khoảng tháng 7/1984 đến tháng 8/1984, ông T cũng không có ý kiến gì đối với lời trình bày này của bà H và ông bà có người con tên Cẩm Nh, sinh ngày 26/10/1985 do đó có đủ căn cứ để xác định hôn nhân của bà H và ông T được xác lập vào năm 1984 là có căn cứ. Như vậy, do hôn nhân của ông bà được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên được xem là hôn nhân thực tế theo quy định điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 vì vậy căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được áp dụng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Bà H và ông T có khoảng thời gian dài sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và bà H cũng xác định không còn tình cảm với ông T; trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông T tham gia hòa giải và trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà H nhưng ông T không tham dự và cũng không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu của bà H; Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để các bên tháo gỡ những mâu thuẫn nhưng ông T không tham gia để tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng do đó mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù

hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 85, Điều 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3.2] Về con chung:

- Theo bà Huỳnh Thị H xác định, bà H và ông T có ba con chung tên Phan Thị Cẩm Nh, sinh ngày 26/10/1985; Phan Huỳnh T1, sinh ngày 29/9/1987 và Phan Thị Quyền Tr, sinh ngày 09/3/1992. Hiện nay, Cẩm Nh, Huỳnh T1 và Quyền Tr đã trưởng thành, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Xét quan điểm trình bày của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Huỳnh Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 85, khoản 1 Điều 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị H. Cho bà Huỳnh Thị H được ly hôn với ông Phan Văn T.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị H và ông Phan Văn T có 03 con chung tên Phan Thị Cẩm Nh, sinh ngày 26/10/1985; Phan Huỳnh T1, sinh ngày 29/9/1987 và Phan Thị Quyền Tr, sinh ngày 09/3/1992, hiện nay đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc Huỳnh Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà H được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nộp ngày 08/8/2017 theo biên lai thu số N₀ 0002844 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long thành tiền án phí. Bà H đã nộp đủ.

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- Viện Kiểm Sát TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trương Minh Trường